

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	<p>Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 1 – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia</p> <p>Địa chỉ: số 15 Cửa Bắc, P. Ba Đình, TP. Hà Nội;</p> <p>Số tài khoản;</p> <p>Mã số thuế: 0102743068-005;</p> <p>Điện thoại: 0989099674;</p> <p>Email: dauthau.ptc1@gmail.com.</p>
E-ĐKC 1.5	<p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Tại các cơ sở, vị trí đường dây do TTD Hà Tĩnh quản lý thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể theo phụ lục tại Chương 5 YCKT.</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu- Thư chấp thuận và trao hợp đồng;- Biên bản hoàn thiện hợp đồng;- Hồ sơ mời thầu; Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu- Phụ lục điều chỉnh hợp đồng (nếu có)- Các biên bản nghiệm thu- Các biên bản hợp có đầy đủ chữ ký hợp pháp của đại diện chủ đầu tư và nhà thầu;- Các phụ lục bổ sung hợp đồng được ký kết- Các tài liệu khác: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; ..- Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:<ul style="list-style-type: none">+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 về việc ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định 514).+ Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa

	<p>chỉ https://dauthau.evn.com.vn/.</p> <p>+ Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: <i>Truyền tải điện Hà Tĩnh.</i> - Địa chỉ: <i>Số 30, đường Nguyễn Hoàng Từ, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.</i> - Điện thoại: <i>DD: 0916987788</i> - Fax: - Địa chỉ email: <i>tlongtvxld@gmail.com</i>
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến. <i>(Tham chiếu đến tệp đính kèm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nộp chậm hơn thời gian nêu trên, Chủ đầu tư có quyền thông báo hủy hợp đồng và tịch thu bảo lãnh dự thầu. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 Phần 4. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng). - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là (3) phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A (bên mời thầu) và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm

	<p>thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B (nhà thầu) phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, tuy nhiên Nhà cung cấp vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng thì Nhà cung cấp phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>chi tiết xem tại mục E-ĐKC 5.4 File đính kèm.</i></p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bên A giải tỏa và trả lại cho bên B không chậm hơn 14 ngày kể từ ngày hoàn thành các nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ đảm bảo được nêu trong hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
<p>E-ĐKC 6.1</p>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.</p>

E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT].
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 11	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>"Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng".</p>
E-ĐKC 12.1	<p>Tạm ứng: Không</p> <p>Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng (trước thuế) đã ký trong vòng 14 ngày làm việc làm việc sau khi Bên B xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy yêu cầu tạm ứng của Bên B - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng - Bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII (nếu cần thiết theo yêu cầu chủ đầu tư) - Thời gian tạm ứng: ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ [ghi cụ thể thời gian tạm ứng]. - Thu hồi tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo theo tỷ lệ tương ứng và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. - Bảo đảm tiền tạm ứng phải được Bên B gia hạn cho đến khi Bên A thu hồi 100% số tiền tạm ứng theo điều khoản thanh toán của hợp đồng. - Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền

	<p>tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. <p>Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 13.1</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam. - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên B chịu phí chuyển tiền - Hình thức thanh toán: <p>Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng sau này, dựa trên nguyên tắc thanh toán như sau:</p> <p>Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện một lần sau khi nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm theo hợp đồng với giá trị bằng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng (nếu có). Trường hợp không thể xác định được chi tiết giá trị hoàn thành tương ứng với từng hạng mục công việc hoặc giai đoạn nghiệm thu hoàn thành thì có thể quy định thanh toán theo tỷ lệ phần trăm (%) giá trị hợp đồng.</p> <p>Hồ sơ thanh toán, Hình thức và thời hạn thanh toán:</p> <p>Bên A thanh toán 95% giá trị quyết toán cho Bên B và trừ đi phần tạm ứng (nếu có) sau khi bên A nhận đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ trong vòng 14 ngày làm việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 06 bộ hồ sơ nghiệm thu cho hạng mục. - 06 bộ quyết toán được ký cho hạng mục. - Biên bản bàn giao bản vẽ hoàn công của công trình: 06 bộ - Hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Pháp luật. - Biên bản thanh lý hợp đồng được ký giữa hai bên. - Giấy bảo lãnh bảo đảm bảo hành. - Giấy đề nghị thanh toán. - Văn bản chấp thuận thanh toán của bên A. <p>Giá trị còn lại của quyết toán sẽ được thanh toán sau khi có biên bản thẩm tra phê duyệt quyết toán hạng mục.</p> <p>+ Đối với các hạng mục công việc của công trình, trường hợp Chủ đầu tư/Bên A nhận thấy nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu</p>

	<p>tiền độ, chất lượng, tùy theo tình hình thực tế Chủ đầu tư/Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện phần công việc đó. Việc chỉ định nhà thầu khác là quyền của Chủ đầu tư/Bên A, Nhà thầu xây lắp (Bên B) phải chấp thuận và chịu các chi phí phát sinh do việc thay thế nhà thầu này. Phần khối lượng cắt chuyển do Chủ đầu tư/Bên A tính theo đơn giá lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành của cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thi công và trừ vào giá trị thực hiện của Bên B theo Hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 13.2</p>	<p>Giảm trừ thanh toán: sẽ cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 15</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1 %/ngày (giá trị công việc chậm thực hiện) cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>1. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p> <p>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. • Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá.

	- Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: Không áp dụng.
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Sẽ tiến hành thương thảo trong thương thảo hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Sẽ tiến hành thương thảo trong thương thảo hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Tiến độ, chất lượng dịch vụ Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: sẽ cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p> <p>Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p> <p>Luật áp dụng: Luật Việt Nam.</p>

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__ tháng__ năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-HĐTV ngày 20/03/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) về việc ban hành Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong EVN;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-EVNNPT ngày 27/05/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) về việc ban hành Quy định đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-HĐTV ngày 01/06/2025 của Hội đồng thành viên EVNNPT về việc ban hành Quy chế phân cấp trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2025 của Hội đồng thành viên EVNNPT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Truyền tải điện 1 (PTC1);

Căn cứ quyết định số: 1114/QĐ-EVNNPT ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia về việc thành lập Đội truyền tải điện Hà Tĩnh;

Căn cứ văn bản số: 3658/EVNNPT-QLĐT ngày 08/7/2025 của Giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia về việc thực hiện công tác đấu thầu tại EVNNPT, từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên

quan đến an ninh quốc gia về xác lập công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; Thông tư số 46/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 10 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; Quy định số 08/2016/TT-BCA ngày 16 tháng 02 năm 2016 về trang phục cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Quy trình an toàn điện kèm theo Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26 tháng 07 năm 2021 về việc ban hành Quy trình An toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN);

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

Quy chế phối hợp công tác bảo vệ, an toàn giữa Tổng cục an ninh và Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) số 2502/QCPH-TCAN-EVN ngày 26/6/2015.

Hướng dẫn số 6491/HD-EVN ngày 22/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

Quy định về công tác bảo vệ trạm biến áp không người trực trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia Ban hành kèm theo quyết định số 63/QĐ-HĐTV ngày 23/03/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

Quyết định số 7083/QĐ-PTC4 ngày 06/8/2020 của Công ty Truyền tải điện 4 về việc ban hành Quy định công tác bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh Quốc gia - Hệ thống Truyền tải điện 500kV trong quá trình quản lý vận hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-EVN ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến công tác bảo vệ, PCCC-CNCH;

Căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến công tác bảo vệ;

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Căn cứ yêu cầu bảo vệ mục tiêu:

Căn cứ nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngàytháng..năm... Tại: chúng tôi gồm có:

I. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A):

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số tài khoản:Thuộc ngân hàng:

Mã số doanh nghiệp:.....

Đại diện là: Ông/bà.....Chức vụ: Giám đốc đơn vị

(Theo giấy ủy quyền số ngày..)

II. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B):

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số tài khoản:Thuộc ngân hàng:

Mã số doanh nghiệp:.....

Đại diện là: Ông/bà.....Chức vụ.....

Hai bên thống nhất ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ với những nội dung sau:

Điều 1: Mục đích hợp đồng

Bên A có yêu cầu và Bên B đồng ý cử cán bộ, nhân viên của Bên B thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn tài sản, con người trong phạm vi mục tiêu cần bảo vệ của Bên A. Cụ thể đối tượng và địa điểm bảo vệ:.....

.....

.....

1.1. Thời gian làm việc: 24 giờ/ngày; 07 ngày/tuần bao gồm tất cả các ngày

Lễ, Tết, thứ 7 và chủ nhật.

1.2. Số lượng vị trí trực và phương thức hoạt động: bố trí vị trí trong ngày và luôn luôn phải đảm bảo 24/24 giờ như sau:

- Vị trí cố định (Cổng chính):
- Vị trí tuần tra:
- Tổ trưởng quản lý chung kiêm nhiệm trong ca trực.

Và các nội dung khác theo phương án bảo vệ mục tiêu được lập giữa Bên A, Bên B và có ý kiến thống nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2: Thành phần hợp đồng

- 2.1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng.
- 2.2. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng.
- 2.3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
- 2.4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- 2.5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (nếu có).
- 2.6. Phụ lục bổ sung điều kiện cụ thể của hợp đồng (nếu có).
- 2.7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có).
- 2.8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có).
- 2.9. Bảng chào giá.
- 2.10. Phương án bảo vệ mục tiêu được lập giữa Bên A, Bên B, có ý kiến thống nhất của cơ quan công an có thẩm quyền, gồm:
 - a) Bản đồ lộ trình đi tuần.
 - b) Quy định chi tiết về công tác bảo vệ mục tiêu.
 - c) Nội quy ra vào mục tiêu.
 - d) Phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.
 - e) Phương án phối hợp với công an địa phương.
 - f) Phương án phòng chống khủng bố.
 - i) Hồ sơ, lý lịch nhân viên bảo vệ.
 - k) Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3: Giá cả, phương thức thanh toán

3.1. Giá trị hợp đồng: đồng/tháng (viết bằng chữ).

Trong đó:

- a) Giá trị hợp đồng trước thuế: đồng.
- b) Thuế GTGT:đồng.

Với giá trị hợp đồng như trên, Bên A không phải thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào khác cho Bên B.

3.2. Phương thức thanh toán.

Chủ đầu tư (Bên A) giao cho các đơn vị Truyền tải điện khu vực (Đơn vị trực tiếp quản lý các trạm/mục tiêu bảo vệ) có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh toán cho nhà thầu (Bên B) như sau:

Đơn vị được giao thực hiện thanh toán:, khối lượng công việc (số trạm/mục tiêu được bảo vệ)

a) Thanh toán được thực hiện hàng tháng, bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

b) Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định cho Bên A, bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;
- Biên bản nghiệm thu giữa Bên A và Bên B.
- Lịch trực ca hàng tháng.
- Biên bản xác nhận nội dung, chất lượng, khối lượng công việc do người có thẩm quyền của đơn vị quản lý tài sản xác nhận (kèm bảng chấm công). Xác nhận chất lượng dịch vụ ký giữa 2 bên được đánh giá “đạt” mới thanh toán 100% giá trị theo hợp đồng.

- Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị thanh toán thực tế theo quy định của Bộ Tài Chính.

- Các nội dung khác (nếu có).

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định, Bên A sẽ thanh toán chuyển khoản cho Bên B, phí chuyển khoản do Bên B chi trả.

c) Trong trường hợp Bên A có nhu cầu cấp thiết tăng cường bảo vệ, tăng số lượng vị trí bảo vệ, có thể điều chỉnh lại hợp đồng theo thỏa thuận của các Bên bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng.

Điều 4: Quyền và Nghĩa vụ của Bên A

4.1. Quyền của Bên A.

a) Có quyền kiểm soát chất lượng và việc thực hiện dịch vụ của nhân viên Bên B, sự tuân thủ đối với các quy định về bảo vệ mục tiêu; Thông báo cho Bên B về những thiếu sót và nhận xét đánh giá về việc thực hiện dịch vụ của nhân viên tại các vị trí trực bảo vệ.

b) Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện đúng nhiệm vụ, công việc theo mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong trường hợp Bên B, nhân viên của Bên B vi phạm bất kỳ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng dịch vụ bảo vệ trước thời hạn với Bên B mà không phải trả bất kỳ chi phí nào sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước 07 ngày làm việc.

c) Được quyền yêu cầu Bên B thay đổi nhân viên bảo vệ trong trường hợp nhân viên của Bên B thiếu trách nhiệm, không thực hiện hoặc vi phạm nội quy, hợp đồng, hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ. Bên A không phải trả bất kỳ chi phí nào khi yêu cầu Bên B thay đổi nhân viên bảo vệ.

d) Được Bên B và nhân viên của Bên B bồi thường toàn bộ các chi phí liên quan nếu Bên B và nhân viên của Bên B gây thiệt hại, ảnh hưởng đến tài sản, công trình, con người của Bên A.

4.2. Nghĩa vụ của Bên A.

a) Bên A có trách nhiệm tạo các điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện tốt nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết có liên quan đến tình hình bảo vệ tài sản và an ninh trật tự cho Bên B. Thường xuyên duy trì việc trao đổi rút kinh nghiệm giữa các bên tham gia hợp đồng; tích cực phối hợp với Bên B khi có yêu cầu.

b) Bố trí chốt trực, bàn, ghế, tủ, nước uống cho nhân viên của Bên B khi làm việc. Hỗ trợ một phòng chờ ca cho nhân viên bảo vệ Bên B nếu mục tiêu bảo vệ có nhà chờ ca.

c) Lập biên bản có xác nhận của người có thẩm quyền của các bên về hiện trạng công trình, tài sản, khu vực đi tuần tra canh gác mục tiêu bảo vệ của Bên A vào thời điểm hợp đồng có hiệu lực để xác nhận trách nhiệm giữa các bên tham gia thực hiện hợp đồng.

d) Bên A tiếp nhận các yêu cầu hợp lý của Bên B về việc cải tiến và thực hiện các biện pháp an ninh ở mục tiêu, phạm vi bảo vệ.

e) Bên A cam kết thanh toán đúng và đầy đủ cho Bên B theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

5.1. Quyền của Bên B.

a) Được thực hiện các nghiệp vụ cần thiết để phòng, chống các hành vi có nguy cơ phá hoại, xâm phạm tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật trong phạm vi mục tiêu bảo vệ của Bên A theo đúng quy định của Pháp luật.

b) Có quyền điều hành nhân sự đối với nhân viên của mình, trong trường hợp có sự thay đổi nhân viên bảo vệ cần phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản. Chủ động triển khai các phương án bảo vệ đã thống nhất với Bên A.

c) Không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những mất mát thuộc về tài sản cá nhân nếu xác định không thuộc lỗi của Bên B.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B.

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại các điều khoản của hợp đồng dịch vụ bảo vệ, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ

các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong: Điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng; Phương án bảo vệ mục tiêu; Bản đồ lộ trình đi tuần; Quy định chi tiết về công tác bảo vệ mục tiêu; Nội quy ra vào mục tiêu; Phương án phối hợp với công an địa phương; Phương án phòng chống khủng bố, là thành phần của hợp đồng này:

a) Căn cứ theo nhu cầu bảo vệ của Bên A, Bên B có trách nhiệm bảo vệ đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn tài sản, con người trong phạm vi mục tiêu cần bảo vệ của Bên A tại mục tiêu, địa điểm như nêu trong Điều 1 của hợp đồng này.

b) Cùng Bên A lập biên bản có xác nhận của người có thẩm quyền của các bên về hiện trạng công trình, tài sản, khu vực đi tuần tra canh gác mục tiêu bảo vệ của Bên A vào thời điểm hợp đồng có hiệu lực để xác nhận trách nhiệm giữa các bên tham gia thực hiện hợp đồng.

c) Phối hợp với Bên A, đơn vị quản lý vận hành (QLVH) và công an có thẩm quyền xây dựng phương án bảo vệ mục tiêu được phê duyệt và là thành phần của hợp đồng này.

d) Bố trí nhân viên bảo vệ đã được qua đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ bảo vệ theo quy định; được đào tạo cấp chứng nhận về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; được đào tạo, huấn luyện và ghi sổ theo dõi huấn luyện về an toàn điện của đơn vị quản lý vận hành. Luôn bố trí đầy đủ số lượng nhân viên bảo vệ trong toàn bộ thời gian đảm nhiệm công việc (kể cả việc chuẩn bị, bố trí nhân viên dự phòng, kịp thời bổ sung, hỗ trợ trong trường hợp cần thiết). Trong trường hợp thay đổi nhân viên bảo vệ, Bên B phải báo trước bằng văn bản trước 03 ngày làm việc và chỉ được thay đổi nhân viên khi có sự đồng ý của Bên A.

e) Bên B cung cấp cho Bên A danh sách và lý lịch trích ngang (có dán ảnh) của cán bộ chỉ huy và các nhân viên được cử đến làm việc theo hợp đồng, bản sao chứng minh thư nhân dân, hộ khẩu có công chứng, giấy xác nhận dân sự, giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, số điện thoại di động; chịu trách nhiệm trước pháp luật về giấy tờ cung cấp cho Bên A và trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ theo quy định của pháp luật, độ tuổi dưới 55 tuổi để Bên A lựa chọn cho làm việc tại mục tiêu.

f) Trong thời hạn 05 ngày kể từ khi triển khai mục tiêu bảo vệ thì Bên B phải có văn bản thông báo kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ về điều kiện an ninh, trật tự; danh sách nhân viên bảo vệ, số lượng, chủng loại công cụ hỗ trợ tại mục tiêu bảo vệ gửi cho Công an địa Phương có thẩm quyền nơi triển khai mục tiêu bảo vệ để quản lý và phối hợp trong việc đảm bảo an ninh, trật tự tại mục tiêu.

g) Chủ động phát hiện để phòng chống các hành vi có nguy cơ phá hoại, xâm phạm tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật trong phạm vi mục tiêu bảo vệ của Bên A theo đúng quy định của Pháp luật. Ngăn chặn sự xâm nhập trái phép của những người không có thẩm quyền vào mục tiêu bảo vệ; nếu phát hiện, thực hiện các biện pháp khống chế bắt giữ và nếu cần thiết, giao cho cơ quan công an để giải quyết theo quy định của pháp luật.

h) Tuân thủ các quy định về an toàn, PCCC&CNCH. Nếu phát hiện đám cháy tại mục tiêu bảo vệ (lửa, khói, mùi khét) hoặc hệ thống báo cháy được kích hoạt, gọi điện thoại báo cho cảnh sát PCCC&CNCH, đơn vị quản lý vận hành (QLVH) và thực hiện các bước theo phương án PCCC&CNCH.

i) Thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo vệ theo đúng yêu cầu của Bên A và quy định của pháp luật. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật do hành vi vượt quá mức cho phép của công việc hoặc vi phạm pháp luật.

j) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm soát, giao nhận ca, ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa, tài sản, người và phương tiện ra vào khu vực mục tiêu bảo vệ.

k) Tự chịu mọi rủi ro và thanh toán các khoản như: Phương tiện đi lại, chỗ ăn nghỉ, lương, thưởng nhân viên bảo vệ, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ lao động, trang phục bảo vệ, công cụ hỗ trợ, trang bị thông tin liên lạc cho nhân viên bảo vệ.

l) Báo cáo định kỳ, hằng ngày cho đơn vị QLVH, hằng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bên A về các thông tin có liên quan đến tình hình bảo vệ tài sản và an ninh, trật tự. Trong trường hợp phát hiện có nguy cơ xảy ra mất an ninh trật tự hoặc vụ việc đột xuất phải kịp thời xử lý và báo ngay cho người có trách nhiệm của Bên A, đơn vị QLVH được biết và có kế hoạch xử lý.

m) Thường xuyên duy trì việc trao đổi rút kinh nghiệm giữa các bên tham gia hợp đồng. Cung cấp kịp thời lực lượng nhân viên hỗ trợ khi Bên A yêu cầu.

n) Có trách nhiệm báo cáo và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền (công an địa phương) và các đoàn kiểm tra do Bên A tổ chức thực hiện. Tạo mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng để được hỗ trợ kịp thời trong công việc khi cần thiết.

o) Bồi thường mọi thiệt hại và các chi phí (do xâm nhập trái phép trộm cắp, phá hoại vật tư, thiết bị tại mục tiêu; do hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác) cho Bên A trong vòng 30 ngày sau khi xảy ra các sự kiện gây thiệt hại do hành vi vi phạm hợp đồng dù vô tình hay cố ý của Bên B và nhân viên của Bên B gây ra.

q) Bên B phải thông báo cho Bên A, đơn vị QLVH, cơ quan công an địa phương về các trường hợp vi phạm, xâm nhập trái phép vào mục tiêu bảo vệ, thực hiện giữ nguyên hiện trường và cử người có trách nhiệm tham gia xác định mức thiệt hại (nếu có).

r) Không sao chép, cung cấp hay một phần hay toàn bộ các thông tin liên quan của Bên A mà Bên B biết từ hợp đồng này cho bên thứ 3 nào khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A. Không sử dụng thông tin bảo mật mà Bên A đã cung cấp cho Bên B phục vụ các mục đích khác ngoài mục đích của hợp đồng này.

Điều 6: Yêu cầu về nhân viên bảo vệ và trang bị công cụ hỗ trợ

6.1. Ngoài những nội dung chung về tiêu chuẩn, chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ theo quy định của Bộ Công an, nhân viên bảo vệ của Bên B phải được huấn luyện các kỹ năng như sau:

- a) Nghiệp vụ bảo vệ và giao tiếp.
- b) Các kỹ năng giám sát cơ bản.
- c) Nghiệp vụ ứng phó trong tình huống khẩn cấp.
- d) Nghiệp vụ sơ cứu người bị nạn.
- e) Nghiệp vụ phối hợp trong PCCC&CNCH.
- f) Võ thuật, cách sử dụng các công cụ hỗ trợ.
- g) Có kiến thức về an toàn điện.
- h) Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động.
- i) Được đào tạo để sử dụng camera giám sát an ninh (nếu được trang bị tại phòng trực, chốt bảo vệ).
- j) Nhân viên bảo vệ là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, được tuyển chọn kỹ, có lý lịch rõ ràng; phẩm chất chính trị đạo đức tốt; có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên (đối với miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên); không có tiền án, tiền sự; có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ; nắm vững các quy định về công tác bảo vệ trong đơn vị.

k) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A nhận thấy nhân viên bảo vệ của Bên B có hành vi, thái độ không trung thực, tác phong không nghiêm túc, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nhiệm vụ như hai bên đã thỏa thuận, vi phạm nội quy lao động tại mục tiêu được bảo vệ, Bên A có quyền gửi văn bản yêu cầu Bên B thay đổi nhân viên. Bên A không phải trả thêm bất kỳ chi phí nào cho việc thay đổi nhân viên.

6.2. Nhân viên Bên B tuyệt đối không được có những hành vi sau:

- a) Tự ý bỏ vị trí gác, trực; ngủ trong ca trực bảo vệ; đánh bài, đánh bạc, các hình thức cá độ, uống rượu, bia, chất kích thích trong giờ trực.
- b) Gây phiền hà trở ngại đối với công nhân viên của Bên A hoặc khách hàng có quan hệ giao dịch với Bên A.
- c) Hành vi thiếu nghiêm túc, lơ là không tập trung trong nhiệm vụ.
- d) Nghiêm cấm sử dụng các chất gây nghiện theo quy định của pháp luật.
- e) Tự ý vào những khu vực không được phép vào theo quy định của Bên A.

f) Những hành vi khác mà Bên A nghiêm cấm quy định trong nội quy hoặc quy định của Bên A.

6.3. Trang thiết bị và công cụ hỗ trợ thực hiện dịch vụ bảo vệ do Bên B cung cấp theo phương án bảo vệ đã được duyệt.

Điều 7: Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

12 tháng kể từ ngày ký kết biên bản bàn giao xác nhận mục tiêu bảo vệ.

Thời gian hai bên ký Biên bản bàn giao xác nhận mục tiêu bảo vệ: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 9: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

9.1. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 7 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng theo đúng thỏa thuận của các bên về giá trị, loại tiền, phương thức bảo đảm, Bên B cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc, Séc bảo chi.

9.2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **3%** giá hợp đồng.

9.3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

Điều 10: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

10.1. Phạt vi phạm.

Trong trường hợp Bên B thực hiện không đúng/không thực hiện các công việc đã thỏa thuận hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ quy định theo hợp đồng thì:

a) Vi phạm lần thứ nhất: Bên A lập biên bản nhắc nhở.

b) Vi phạm lần thứ hai: Bên A sẽ lập biên bản có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên và Bên B chịu mức phạt 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

c) Tổng mức phạt vi phạm không quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. (giá trị phần hợp đồng bị vi phạm được hiểu là giá trị dịch vụ Bên B thực hiện trong 1 tháng).

Đến lần thứ 3 đạt mức phạt tối đa, Bên A sẽ tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng với Bên B mà không phải trả bất kỳ chi phí nào cho Bên B.

10.2. Bồi thường thiệt hại.

a) Bên B chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị tổn thất, thiệt hại do mất mát tài sản của Bên A trong phạm vi mục tiêu khu vực bảo vệ có nguyên nhân từ những hành vi đột nhập từ bên ngoài vào khu vực bảo vệ.

b) Đối với những tổn thất, thiệt hại mất mát tài sản của Bên A bên trong phạm vi cơ sở của Bên A do những nguyên nhân an ninh khác (không đề cập ở khoản 10.1 nêu trên) gây ra thì dựa trên cơ sở xác định lỗi, mức độ thiệt hại để

thỏa thuận bồi thường hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ bồi thường.

c) Trong trường hợp do lỗi cố ý hay vô ý của Bên B gây tổn thất, thiệt hại do mất mát tài sản của Bên A trong mục tiêu phạm vi khu vực bảo vệ (trừ trường hợp có thỏa thuận khác) Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm dân sự và phải chịu rủi ro.

d) Việc bồi thường của Bên B cho những tổn thất, thiệt hại, mất mát tài sản của Bên A phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên thống nhất bằng văn bản hợp pháp về hình thức và mức độ đền bù.

Điều 11. Hạn chế trách nhiệm của Bên B

Bên B được ngoại trừ trách nhiệm đối với một số trường hợp sau:

11.1. Các thiệt hại bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, các xáo trộn về chính trị, bao gồm: các hành động gây chiến, bạo động, đình công tác động đến mục tiêu bảo vệ hay do nhân viên của Bên A gây ra.

11.2. Tổn thất, thiệt hại, mất mát tài sản, mất an ninh, trật tự xảy ra được cơ quan có thẩm quyền kết luận phát sinh một cách trực tiếp hoặc gián tiếp do hậu quả hoạt động chủ nghĩa khủng bố nhằm mục đích phá hoại quy mô lớn vượt khỏi tầm kiểm soát của Bên B.

Để được áp dụng miễn trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng trong những trường hợp nêu trên, Bên B có nghĩa vụ chứng minh và phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về trường hợp được miễn trách nhiệm trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện để làm cơ sở xem xét. Nếu Bên B không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại có liên quan cho Bên A.

Điều 12: Chuyển nhượng hợp đồng

Nếu không được sự đồng ý của hai bên (Bên A và Bên B), không bên nào được tự ý chuyển giao nghĩa vụ, quyền lợi ghi trong hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Điều 13: Điều khoản chung của hợp đồng

13.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản nội dung đã ký trong hợp đồng.

13.2. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ, thay thế có liên quan đến hợp đồng này phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản và có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của các bên.

13.3. Mọi tranh chấp hoặc mâu thuẫn nảy sinh giữa hai bên liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng này được ưu tiên giải quyết thông qua thỏa thuận, thương lượng. Trong thời hạn 30 ngày, nếu hai bên không thương lượng được thì vụ việc được đưa ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi đơn vị QLVH đặt trụ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 14: Hiệu lực của hợp đồng

14.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng nêu trong Điều 8 và các bên hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, những điều khoản không có trong hợp đồng được thực hiện theo các căn cứ Luật viện dẫn nêu trong hợp đồng này và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

14.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, những điều khoản có trong hợp đồng được thực hiện theo các căn cứ Luật viện dẫn nêu trong hợp đồng này và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

Trước ngày hợp đồng hết hiệu lực mười lăm (15) ngày, hai bên sẽ cùng làm việc để xem xét tiếp tục gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng. Đến ngày hợp đồng hết hiệu lực, nếu một trong hai bên không có thông báo về việc chấm dứt hoặc thanh lý thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm một (01 tháng). Khi hợp đồng được gia hạn, Bên B có trách nhiệm gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng với thời hạn bảo đảm phù hợp với quy định của hợp đồng về bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này có trang, được lập thành.....bản. Bên A giữ...bản, Bên B giữ..... bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Ghi chú: Các đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế trên địa bàn để phối hợp với công an, Công ty dịch vụ bảo vệ xây dựng phương án bảo vệ mục tiêu để đảm bảo an ninh, an toàn tài sản của đơn vị. Phụ lục hợp đồng, Phương án bảo vệ mục tiêu là một phần không thể tách rời với hợp đồng này.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm.*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo thời gian:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.*

2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá : ____ *[trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT] giá hợp đồng.*

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được

tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.